

Số: *MM9* /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *M* tháng *7* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;
Thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
Thực hiện Thông báo kết luận số 911-TB/TU ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030;
Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 11 tháng 6 năm 2024, Văn bản số 1636/SXD-QHKT ngày 10/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030 với nội dung chính như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu

a) Quan điểm

- Phù hợp và cụ thể hóa: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tuân thủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) của cả nước, các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng. Trong quá trình triển khai thực hiện tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển những vấn đề mới trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, các định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng, Quy hoạch ngành quốc gia cho phù hợp.

- Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thái Bình có trọng điểm với định hướng hình thành các đô thị lớn làm hạt nhân thúc đẩy các đô thị khác cùng phát triển. Nâng cấp đô thị theo hướng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu và gia tăng tiện ích, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bản sắc đô thị.

- Xây dựng mô hình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình hướng tới tiêu chí đô thị phát triển bền vững, thông minh, đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện phát triển đồng bộ, hài hòa khu vực đô thị và nông thôn khắc phục các vấn đề còn yếu, còn thiếu của đô thị, tạo sự liên kết giữa các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần của Nhân dân; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện của tỉnh, theo yêu cầu khai thác, sử dụng và Chương trình phát triển của từng đô thị.

b) Mục tiêu

- Sắp xếp lại hệ thống đô thị, tập trung phát triển các đô thị trung tâm của vùng, tạo sức hút lớn, làm đầu kéo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa theo hướng

đô thị bền vững, thông minh, tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, giàu bản sắc văn hóa.

- Phát triển hệ thống đô thị gắn kết chặt chẽ với định hướng phát triển của từng vùng, từng địa phương; có tính chất, chức năng, bản sắc nổi bật. Bổ sung thêm tính chất đô thị, giảm bớt tính chất tổng hợp, gia tăng tính chất chuyên ngành.

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị tỉnh Thái Bình có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, có môi trường và chất lượng sống tốt, kiến trúc đô thị hiện đại, tiên tiến, giàu bản sắc; có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Làm cơ sở để lập Chương trình phát triển của từng đô thị, xây dựng đề án đánh giá phân loại, nâng loại đô thị, thành lập đô thị.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị đến năm 2030

a) Về hệ thống đô thị

- Giai đoạn 2021-2025: Toàn tỉnh có 19 đô thị; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 25-30%, bao gồm:

+ 01 Đô thị loại I: Thành phố Thái Bình.

+ 04 Đô thị loại IV: Thị trấn Diêm Điền (hiện có), huyện Thái Thụy; thị trấn Vũ Thư (mở rộng), huyện Vũ Thư; thị trấn Đông Hưng (mở rộng), huyện Đông Hưng; thị trấn Tiền Hải (mở rộng), huyện Tiền Hải.

+ 14 Đô thị loại V: Thị trấn Kiến Xương (hiện có), huyện Kiến Xương; thị trấn Quỳnh Côi (mở rộng), huyện Quỳnh Phụ; thị trấn An Bài (mở rộng), huyện Quỳnh Phụ; thị trấn Hưng Hà (mở rộng), huyện Hưng Hà; thị trấn Hưng Nhân (mở rộng), huyện Hưng Hà; đô thị Vũ Quý (hiện có), huyện Kiến Xương; đô thị Thái Ninh (hiện có), huyện Thái Thụy; đô thị An Đồng, huyện Quỳnh Phụ; đô thị Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ; đô thị Thụy Trường, huyện Thái Thụy; đô thị Trà Giang, huyện Kiến Xương; đô thị Thái Phương, huyện Hưng Hà; đô thị Nam Trung, huyện Tiền Hải; đô thị Đông Minh, huyện Tiền Hải.

(Danh mục, lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị, thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị tại Phụ lục 01 kèm theo).

- Giai đoạn 2026-2030: Toàn tỉnh có 25 đô thị; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 35% trở lên, bao gồm:

+ 01 Đô thị loại I: Thành phố Thái Bình (mở rộng).

+ 01 Đô thị loại III: Đô thị Thái Thụy.

+ 05 Đô thị loại IV: Thị trấn Vũ Thư (hiện có), huyện Vũ Thư; thị trấn Đông Hưng (hiện có), huyện Đông Hưng; thị trấn Tiền Hải (mở rộng), huyện Tiền Hải; đô thị Hưng Hà (mở rộng), huyện Hưng Hà; đô thị Quỳnh Côi (mở rộng), huyện Quỳnh Phụ.

+ 18 Đô thị loại V: Thị trấn Kiến Xương (mở rộng), huyện Kiến Xương; đô thị Vũ Quý (mở rộng), huyện Kiến Xương; đô thị Thái Ninh (hiện có), huyện Thái Thụy; đô thị An Đồng (mở rộng), huyện Quỳnh Phụ; đô thị Quỳnh Ngọc

(mở rộng), huyện Quỳnh Phụ; đô thị Thụy Trường (hiện có), huyện Thái Thụy; đô thị Nam Trung (hiện có), huyện Tiền Hải; đô thị Nam Phú, huyện Tiền Hải; đô thị Vũ Tiến, huyện Vũ Thư; đô thị Tân Phong, huyện Vũ Thư; đô thị Xuân Hòa, huyện Vũ Thư; đô thị Vũ Hội, huyện Vũ Thư; đô thị Đông Quan, huyện Đông Hưng; đô thị Tiên Hưng, huyện Đông Hưng; đô thị Thanh Tân, huyện Kiến Xương; đô thị Bình Thanh, huyện Kiến Xương; đô thị Cộng Hòa, huyện Hưng Hà; đô thị Hồng Minh, huyện Hưng Hà.

(Danh mục, lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị, thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị tại Phụ lục 02 kèm theo).

b) Về chất lượng đô thị

Chất lượng đô thị được xây dựng trên cơ sở đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình, kế hoạch của tỉnh.

3. Các chương trình, đề án trọng tâm phát triển bền vững đô thị

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu *(nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, đơn vị chủ trì thực hiện, kết quả cụ thể của các đề án sẽ được cụ thể khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện từng dự án cụ thể).*

(Danh mục cụ thể tại Phụ lục 03 kèm theo).

4. Dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư

Tập trung nguồn lực, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khung trên toàn tỉnh, bao gồm: Các công trình hạ tầng giao thông kết nối mạng lưới các đô thị trên địa bàn tỉnh và liên kết vùng; các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh theo nội dung Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 *(Danh mục cụ thể tại Phụ lục 04 kèm theo).*

5. Giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền, phổ biến về phát triển đô thị

Tuyên truyền phổ biến để làm rõ nội dung: Đô thị hóa là xu thế tất yếu khách quan; phát triển đô thị là động lực phát triển của nền kinh tế, là cơ hội để tăng trưởng vượt bậc về mọi mặt; đô thị luôn gắn với văn minh, sáng tạo, đổi mới, cơ hội phát triển, đồng thời chú trọng quan tâm đến bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu để các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân đồng thuận, đồng lòng, chung sức cùng đầu tư nguồn lực để quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát

triển đô thị bền vững.

b) Nguồn vốn đầu tư

- Huy động nguồn vốn đầu tư

+ Vốn đầu tư công: Vận động, đề xuất nguồn vốn hỗ trợ, phân bổ từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA, ngân sách địa phương, để đầu tư các dự án lớn hạ tầng kỹ thuật kết nối, hạ tầng kỹ thuật khung, đầu mối (giao thông, cấp thoát nước, điện...) và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội khung trên địa bàn tỉnh.

+ Huy động các nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Của các tập đoàn, công ty nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cùng kết hợp với nguồn vốn đầu tư công để đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc...) và các công trình hạ tầng xã hội khác.

+ Huy động các nguồn vốn khác: Vốn của các nhà đầu tư, các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư các dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác phù hợp với từng hình thức đầu tư theo quy định.

- Phân bổ nguồn vốn đầu tư

+ Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (kể cả nguồn vốn ODA), nguồn tín dụng đầu tư ưu đãi và các nguồn vốn khác thuộc ngân sách nhà nước: Ưu tiên phân bổ cho các dự án trọng điểm của tỉnh, các dự án kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, hạ tầng khung trong các đô thị, công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.

+ Đối với nguồn vốn khác: Ưu tiên cho phát triển các dịch vụ công trong đô thị như: Cấp, thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các khu vực mở rộng, tái thiết đô thị, các khu đô thị có chức năng chuyên biệt.

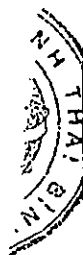
+ Xây dựng cơ chế ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm vùng kinh tế động lực tạo đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, kích thích phát triển đô thị từng vùng; đặc biệt chú trọng tập trung nguồn lực xây dựng hạ tầng thành phố Thái Bình và đô thị trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh: Thái Thụy, Tiền Hải.

+ Kết hợp, lồng ghép Chương trình phát triển đô thị với các mục tiêu, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương; phân vùng, phân kỳ phát triển đô thị hợp lý để có chính sách phù hợp, hiệu quả đối với phát triển đô thị từng vùng, từng giai đoạn.

+ Phân bổ nguồn vốn cho các dự án liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng theo kế hoạch của tỉnh.

c) Đa dạng hình thức đầu tư

- Hình thức đầu tư công, hình thức đối tác công tư (PPP), các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, hình thức xã hội hóa... để phát huy được tối đa nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở để phát triển đô thị.



- Nghiên cứu, đề xuất danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức (PPP) cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, để có bước đột phá trong xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ...

d) Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Tăng cường công tác cải cách hành chính: Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, thực hiện các thủ tục về đầu tư.

- Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Kịp thời tiếp nhận và xử lý thông tin, phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; nghiêm túc trong xử lý để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuẩn bị, đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

đ) Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút các dự án sản xuất công nghiệp của các nhà đầu tư, đổi mới sử dụng công nghệ tiên tiến, quản lý hiện đại, có giá trị gia tăng cao, tác động tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế, đặc biệt là tại các đô thị như: Công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chủ động bố trí quỹ nhà ở có chất lượng cao tại các đô thị, các khu công nghiệp đáp ứng nhu cầu của người lao động và Nhân dân trong khu vực.

e) Cơ chế, chính sách

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh; nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng kinh tế đô thị dựa trên tiềm năng, lợi thế của địa phương. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện các cơ chế, chính sách về hỗ trợ đầu tư tại khu vực đô thị như: Quản lý, phát triển đô thị; phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ đô thị; nhà ở...; có giải pháp bố trí nguồn vốn ngân sách cho các địa phương theo Chương trình đề ra để các địa phương chủ động trong việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, nâng cao năng lực thu hút đầu tư từ các nguồn vốn trong nước, ngoài nước vào khu vực đô thị để từng bước nâng các tiêu chí đô thị theo quy định.

- Nghiên cứu, xây dựng một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

g) Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp:

- + Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất,

năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt đáp ứng nhu cầu đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa thực hiện các chương trình, hình thức đào tạo, đào tạo lại kỹ năng công tác để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đối với lĩnh vực phát triển nông nghiệp, cần có định hướng khuyến khích, tạo điều kiện cho các chủ doanh nghiệp, chủ trang trại học tập các mô hình tiên tiến, công nghệ cao, có tính liên kết.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân, nhân viên dịch vụ:

+ Mở rộng các loại hình đào tạo nghề, đổi mới công tác hướng nghiệp; có chính sách thu hút nhân tài, sau đào tạo được bố trí công việc phù hợp tại chính địa phương, từ đó xây dựng lực lượng lao động nòng cốt có chất lượng cao.

+ Thực hiện đào tạo theo hướng chuyên môn hoá cao, đi kèm tác phong nghề nghiệp chuẩn mực trong từng lĩnh vực đào tạo, phù hợp với xu thế hội nhập.

h) Hợp tác trong nước và quốc tế

Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế để học tập, trao đổi kinh nghiệm, tiếp thu ý kiến từ các chuyên gia trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ cho công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, số liệu, nội dung trình thẩm định, phê duyệt; phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Chương trình đã được phê duyệt bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Sở Xây dựng

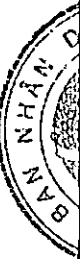
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện chương trình, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương triển khai lập quy hoạch chung xây dựng, Chương trình phát triển từng đô thị; đề án đề nghị công nhận đô thị theo lộ trình.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý, phát triển đô thị; huy động mọi nguồn lực phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực quản lý ngành.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu phương án thành lập đô thị mới, phân loại cho từng đô thị.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành rà soát quy hoạch các ngành, lĩnh vực để xác định các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư; xây dựng kế hoạch, tham mưu



UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư gắn với lộ trình, kế hoạch phát triển đô thị; xây dựng đồng bộ khung hạ tầng cơ sở toàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu báo cáo UBND tỉnh phê duyệt các chương trình, dự án về phát triển đô thị có sử dụng nguồn vốn đầu tư công; tham mưu về nội dung bố trí vốn trung hạn và hàng năm cho các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối vốn, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động, tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình, vận động thu hút nguồn vốn ODA cho các hoạt động thuộc Chương trình.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng bố trí nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ Chương trình phát triển đô thị của các Sở, ngành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện tham mưu, hướng dẫn, lập, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định pháp luật đất đai và phù hợp với Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.

5. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành, địa phương rà soát các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch, kế hoạch ngành để phù hợp với chương trình phát triển đô thị hàng năm và 05 năm.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập Đề án điều chỉnh, mở rộng địa giới, nâng cấp hoặc thành lập mới đô thị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Chính phủ quyết định.

7. Các Sở, ngành liên quan:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Lập Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn, lập đề án công nhận loại đô thị với các đô thị mới dự kiến trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng phát triển các đô thị; rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch phân khu và



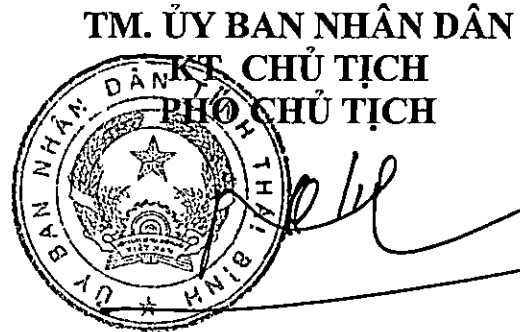
quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị.... Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhằm khắc phục, bổ sung những chỉ tiêu còn thiếu hoặc điểm đánh giá phân loại thấp để triển khai nâng loại đô thị hoặc công nhận đô thị hình thành mới theo đúng lộ trình được duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Quet*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo TB; Công báo; Công thông tin điện tử TB;
- Các phòng: KT, TH, NNTNMT;
- Lưu: VT, CTXDGT



Nguyễn Quang Hưng





PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, LỘ TRÌNH NÂNG LOẠI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Stt	Đô thị, thị trấn	Đơn vị hành chính	Loại đô thị	
			Năm 2021	Năm 2025
I	Đô thị hiện hữu			
1	TP. Thái Bình		II	I
2	Vũ Thư	TT. Vũ Thư và các xã Minh Quang, Minh Khai, Tam Quang, Dũng Nghĩa, Bách Thuận, Tân Lập, Tự Tân, Hòa Bình, Song An	V	IV ^{MR}
3	Đông Hưng	TT. Đông Hưng và các xã Đông Hợp, Nguyên Xá, Đông Các, Đông La, Đông Sơn	V	IV ^{MR}
4	Tiền Hải	TT. Tiền Hải và các xã Tây Giang, Tây Ninh, Đông Lâm, Đông Cơ	V	IV ^{MR}
5	Diêm Điền		IV	IV
6	An Bài	TT. An Bài và các xã An Ninh, An Vũ, An Lễ, An Quý, An Ấp	V	V ^{MR}
7	Quỳnh Côi	TT. Quỳnh Côi và các xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hội	V	V ^{MR}
8	Hưng Hà	TT. Hưng Hà và các xã Thống Nhất, Hồng Lĩnh, Minh Khai, Kim Trung	V	V ^{MR}
9	Hưng Nhân	TT. Hưng Nhân và các xã Tân Lễ, Tiên Đức, Liên Hiệp, Thái Hưng, Phúc Khánh	V	V ^{MR}
10	Kiến Xương		V	V
11	Vũ Quý		V	V
12	Thái Ninh		V	V
II	Đô thị thành lập mới			
1	An Đông		xã	V
2	Quỳnh Ngọc		xã	V
3	Thụy Trường		xã	V
4	Trà Giang		xã	V
5	Thái Phương		xã	V
6	Nam Trung		xã	V
7	Đông Minh		xã	V

**PHỤ LỤC 1.1: ĐỀ XUẤT LỘ TRÌNH NÂNG LOẠI HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Đơn vị hành chính	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Năm hoàn thành
TP. Thái Bình	1. Lập điều chỉnh QHC TP. Thái Bình	2016	2023
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc Tp. Thái Bình	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Tp. Thái Bình theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thành phố Thái Bình theo quy hoạch chung	2021-2023	2024
Huyện Vũ Thư	Đô thị Vũ Thư (mở rộng)		
	1. Lập QHC thị trấn Vũ Thư và vùng phụ cận đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Vũ Thư, xã Minh Quang, xã Minh Khai, xã Tam Quang, xã Dũng Nghĩa, xã Bách Thuận, xã Tân Lập, xã Tự Tân, xã Hòa Bình, xã Song An	2018	2024
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Vũ Thư mở rộng	2024	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Vũ Thư theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Vũ Thư mở rộng	2025	2026
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Vũ Thư mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV	2024-2025	2024-2025
Huyện Đông Hưng	Đô thị Đông Hưng (mở rộng)		
	1. Lập điều chỉnh QHC thị trấn Đông Hưng và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Đông Hưng, xã Đông Hợp, xã Đông Các, xã Nguyên Xá, xã Đông La, xã Đông Sơn	2022	2023
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Đông Hưng mở rộng	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Đông Hưng theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Đông Hưng mở rộng	2024	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Đông Hưng mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV	2025	2025
Huyện Tiền Hải	Đô thị Tiền Hải (mở rộng)		
	1. Lập điều chỉnh QHC thị trấn Tiền Hải và vùng phụ cận, đến năm 2030 theo tiêu chí đô thị loại IV; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Tiền Hải, xã Tây Giang, xã Tây Ninh, xã Đông Lâm, xã Đông Cơ	2021-2022	2022
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Tiền Hải mở rộng	2023	2023
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Tiền Hải theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2023	2023
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Tiền Hải mở rộng	2024	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Tiền Hải mở rộng	2023	2024

	rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV		
	Đô thị Nam Trung		
	1. Lập quy hoạch chung đô thị mới Nam Trung theo tiêu chí đô thị loại V; Phạm vi bao gồm: xã Nam Trung	2022	2024
	2. Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Nam Trung	2024	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Nam Trung theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Nam Trung	2024	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Nam Trung đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025
	Đô thị Đông Minh		
	1. Lập quy hoạch chung đô thị mới Đông Minh theo tiêu chí đô thị loại V; Phạm vi bao gồm: xã Đông Minh	2022	2024
	2. Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Đông Minh	2024	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Đông Minh theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Đông Minh	2024	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Đông Minh đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025
Huyện Quỳnh Phụ	Đô thị Quỳnh Côi		
	1. Lập QHC thị trấn Quỳnh Côi mở rộng; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Quỳnh Côi, xã Quỳnh Hưng, xã Quỳnh Hải, xã Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Giao	2022-2024	2024
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Quỳnh Côi	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Quỳnh Côi theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Quỳnh Côi mở rộng	2024	2026
	Đô thị An Bài		
	1. Lập QHC thị trấn An Bài mở rộng; Phạm vi bao gồm: Thị trấn An Bài, xã An Ninh, xã An Vũ, xã An Lễ	2022	2023
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị An Bài	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị An Bài theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị An Bài mở rộng	2024	2025
	Đô thị An Đông		
	1. Lập quy hoạch chung đô thị mới An Đông	2022	2022
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị An Đông	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị An Đông theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị An Đông	2024-2025	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới An Đông đạt tiêu chí đô thị loại V	2024-2025	2025
	Đô thị Quỳnh Ngọc		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Quỳnh Ngọc	2022	2022
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Quỳnh Ngọc	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Quỳnh Ngọc theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024

	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Quỳnh Ngọc	2024-2025	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Quỳnh Ngọc đạt tiêu chí đô thị loại V	2024-2025	2025
Huyện Thái Thụy	Đô thị Diêm Điền		
	1. Lập điều chỉnh QHC thị trấn Diêm Điền	2021	2023
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Diêm Điền	2024	2024
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Diêm Điền theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2024
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Diêm Điền	2024	2025
	Đô thị Thái Ninh		
	1. Lập điều chỉnh QHC đô thị Thái Ninh	2024	2024
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thái Ninh	2024-2025	2024-2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Thái Ninh theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024-2025	2024-2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Thái Ninh	2025	2026
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Thái Ninh đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025
	Đô thị Thụy Trường		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Thụy Trường	2022-2023	2024
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thụy Trường	2024	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Thụy Trường theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2024	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Thụy Trường	2024	2026
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Thụy Trường đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025
Huyện Kiến Xương	Đô thị Kiến Xương (mở rộng)		
	1. Lập điều chỉnh QHC xây dựng thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương đến năm 2030; Phạm vi bao gồm: thị trấn Kiến Xương, xã An Bồi	2021-2022	2022
	2. Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Kiến Xương mở rộng	2024	2024
	3. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Kiến Xương mở rộng	2022-2024	2025
	4. Lập chương trình phát triển đô thị Kiến Xương theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2022-2025	2025
	Đô thị Vũ Quý		
	1. Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vũ Quý đến năm 2030, Phạm vi bao gồm: Vũ Quý, Vũ Ninh, Vũ Trung, Vũ An	2022-2024	2024
	2. Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Vũ Quý	2025	2025
	3. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Vũ Quý	2025	2026
	4. Lập chương trình phát triển đô thị Vũ Quý theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2025
	Đô thị Trà Giang		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Trà Giang. Phạm vi bao gồm: Trà Giang, Quốc Tuấn, An Bình	2024	2025
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị mới Trà Giang	2025	2025

	3. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Trà Giang	2025	2026
	4. Lập chương trình phát triển đô thị Trà Giang theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Trà Giang đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025
Huyện Hưng Hà	Đô thị Hưng Hà		
	1. Lập QHC thị trấn Hưng Hà mở rộng; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Hưng Hà, các xã Thống Nhất, Hồng Lĩnh, Minh Khai, Kim Trung	2024	2025
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hưng Hà	2025	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Hưng Hà theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Hưng Hà mở rộng	2025	2026
	Đô thị Hưng Nhân		
	1. Lập QHC thị trấn Hưng Nhân mở rộng; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Hưng Hà và các xã Tân Lễ, Tiến Đức, Liên Hiệp, Thái Hưng, Phúc Khánh	2024	2025
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hưng Nhân	2025	2025
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Hưng Nhân theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2025
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Hưng Nhân mở rộng	2025	2026
	Đô thị Thái Phương		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Thái Phương	2024	2025
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị mới Thái Phương	2025	2025
	3. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Thái Phương	2025	2026
	4. Lập chương trình phát triển đô thị Thái Phương theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2025
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Thái Phương đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	2025



PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, LỘ TRÌNH NÂNG LOẠI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

Stt	Đô thị, thị trấn	Gồm các đơn vị hành chính	Loại đô thị	
			Năm 2026	Năm 2030
I	Đô thị hiện hữu			
1	TP. Thái Bình	TP. Thái Bình, Đông Dương (H. Đông Hưng); Tân Phong, Trung An (huyện Vũ Thư); Tây Sơn, An Bình, Quốc Tuấn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, ĐT. Trà Giang (huyện Kiến Xương)	I	I ^{MR}
2	Thái Thụy	TT. Diêm Điền, ĐT. Thái Ninh, ĐT. Thụy Trường và các xã huyện Thái Thụy	IV	III ^{MR}
3	Thái Ninh		V	Năm trong ranh giới MR của đô thị Thái Thụy
4	Thụy Trường		V	
5	Vũ Thư		IV	
6	Đông Hưng		IV	IV
7	Tiền Hải	TT. Tiền Hải, ĐT. Đông Minh và xã Vũ Lăng, Tây Lương	IV	IV ^{MR}
8	Quỳnh Côi	TT. Quỳnh Côi, TT. An Bài và các xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Minh, An Ninh, An Vũ, An Lễ, An Quý, An Ấp, An Thanh, An Cầu	V	IV ^{MR}
9	Kiến Xương	TT. Kiến Xương và các xã Bình Minh, Quang Trung	V	V ^{MR}
10	Hung Hà	TT. Hưng Hà, TT. Hưng Nhân, ĐT. Thái Phương và các xã Thống Nhất, Hồng Lĩnh, Minh Khai, Kim Trung, Tân Lễ, Tiến Đức, Liên Hiệp, Thái Hưng, Phúc Khánh	V ^{MR}	IV ^{MR}
11	Vũ Quý	ĐT. Vũ Quý và các xã Vũ Ninh, Vũ Trung, Vũ An	V	V ^{MR}
12	Nam Trung		V	V
13	An Đông	ĐT. An Đông và các xã An Hiệp, An Thái	V	V ^{MR}
14	Quỳnh Ngọc	ĐT. Quỳnh Ngọc và xã Quỳnh Khê	V	V ^{MR}
II	Đô thị thành lập mới			
1	Đông Quan		xã	V
2	Tiên Hưng		xã	V
3	Xuân Hòa		xã	V
4	Tân Phong		xã	V

5	Vũ Tiên		xã	V
6	Vũ Hội		xã	V
7	Nam Phú		xã	V
8	Bình Thanh		xã	V
9	Thanh Tân		xã	V
10	Cộng Hòa		xã	V
11	Hồng Minh		xã	V

(MR) Đô thị dự kiến mở rộng phạm vi phân loại đô thị hoặc sáp nhập theo quy hoạch chung đô thị được duyệt.

**PHỤ LỤC 2.1: ĐỀ XUẤT LỘ TRÌNH NÂNG LOẠI HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

Đơn vị hành chính	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Năm hoàn thành
Thành phố Thái Bình	1. Lập QHC thành phố Thái Bình mở rộng (theo QH tỉnh); Phạm vi bao gồm: thành phố Thái Bình và các xã: Đông Dương (huyện Đông Hưng); Tân Phong, Trung An (huyện Vũ Thư); Tây Sơn, An Bình, Quốc Tuấn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, Trà Giang (huyện Kiến Xương).	2026-2030	2026- 2030
	2. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Tp. Thái Bình đạt tiêu chí đô thị loại I	2026-2030	2026- 2030
Huyện Tiên Hải	Đô thị Tiên Hải (mở rộng)		
	1. Lập điều chỉnh QHC thị trấn Tiên Hải và vùng phụ cận, đến năm 2030 theo tiêu chí đô thị loại IV; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Tiên Hải, xã Tây Giang, xã Tây Ninh, xã Đông Lâm, xã Đông Cơ, xã Vũ Lăng, xã Tây Lương và đô thị Đông Minh	2026-2030	2026- 2030
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Tiên Hải mở rộng	2026-2030	2026- 2030
	Đô thị Nam Phú		
	1. Lập quy hoạch chung đô thị mới Nam Phú theo tiêu chí đô thị loại V; Phạm vi bao gồm: xã Nam Phú	2022	2024
	2. Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Nam Phú	2025	2026
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Nam Phú theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2026
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Nam Phú	2025	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Nam Phú đạt tiêu chí đô thị loại V	2029	2030
Huyện Quỳnh Phụ	Đô thị Quỳnh Côi (mở rộng)		
	1. Lập QHC thị trấn Quỳnh Côi mở rộng; Phạm vi bao gồm: Thị trấn Quỳnh Côi, thị trấn An Bài và các xã Quỳnh Mỹ, Quỳnh Minh, An Thanh, An Cầu	2025-2026	2026
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Quỳnh Côi	2026	2027
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Quỳnh Côi theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Quỳnh Côi mở rộng	2026	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Quỳnh Côi mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV	2029	2030
	Đô thị An Đông		
	1. Lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới An Đông (mở rộng)	2025	2026
	2. Lập điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đô thị An Đông	2026	2027
	3. Lập điều chỉnh chương trình phát triển đô thị An Đông theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị An Đông	2026-2030	2030
	Đô thị Quỳnh Ngọc		
	1. Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Quỳnh Ngọc (mở rộng)	2025	2026
	2. Lập điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đô thị	2026	2027

	Quỳnh Ngọc		
	3. Lập điều chỉnh chương trình phát triển đô thị Quỳnh Ngọc theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Quỳnh Ngọc	2026-2030	2030
Huyện Thái Thụy	Đô thị Thái Thụy		
	1. Lập QHC đô thị Thái Thụy	2025	2026
	2. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thái Thụy	2026	2027
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Thái Thụy theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Thái Thụy	2026	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Thái Thụy mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại III	2029	2030
Huyện Kiến Xương	Đô thị Bình Thanh		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Bình Thanh	2025	2026
	2. Lập điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đô thị Bình Thanh	2026	2027
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Bình Thanh theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Bình Thanh	2026	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Bình Thanh đạt tiêu chí đô thị loại V	2029	2030
	Đô thị Thanh Tân		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Thanh Tân	2025	2026
	2. Lập điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thanh Tân	2026	2027
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Thanh Tân theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2027
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Thanh Tân	2026	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận xã Thanh Tân đạt tiêu chí đô thị loại V	2029	2030
Huyện Hưng Hà	Đô thị Cộng Hòa		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Cộng Hòa	2025	2026
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị mới Cộng Hòa	2026	2027
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Cộng Hòa theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2026	2028
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Cộng Hòa	2026	2027
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Cộng Hòa đạt tiêu chí đô thị loại V	2029	2030
	Đô thị Hồng Minh		
	1. Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Hồng Minh	2024	2025
	2. Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị mới Hồng Minh	2025	2026
	3. Lập chương trình phát triển đô thị Hồng Minh theo quy hoạch chung đã phê duyệt	2025	2026
	4. Lập các quy hoạch chi tiết đô thị Hồng Minh	2026	2028
	5. Lập đề án đề nghị công nhận đô thị mới Hồng Minh đạt tiêu chí đô thị loại V	2029	2030

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM ĐỂ TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ

Stt	Nội dung	Chương trình dự án
1	Phát triển vùng đô thị hạt nhân, các đô thị trung tâm tiểu vùng	Phát triển các vùng đô thị (ưu tiên phát triển các đô thị trung tâm vùng)
		Phát triển các vùng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao
		Phát triển các vùng cảnh quan, du lịch (ưu tiên các dự án du lịch quy mô lớn)
2	Phát triển hệ thống đường bộ (cao tốc, quốc lộ, hành lang ven biển)	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển
		Xây dựng tuyến Thái Bình – cầu Nghìn
		Xây dựng đường cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh
		Nâng cấp một số tuyến đường tỉnh, đường huyện thành tuyến quốc lộ: tuyến bắt đầu từ cầu La Tiến, đi theo đường huyện ĐH.60 đến đường tỉnh ĐT.452; sau đó tuyến đi trùng với đường tỉnh ĐT.452 giao với QL39 tại ngã tư La; từ ngã tư La tuyến đi trùng với QL39 đến nút giao với đường tỉnh ĐT.454; tuyến đi theo đường tỉnh ĐT.454 qua cầu Tịnh Xuyên, qua thành phố Thái Bình đến phà Sa Cao sang Nam Định
3	Phát triển hệ thống đường thủy nội địa	Nâng cấp cảng biển Diêm Điền
		Xây dựng cảng Ba Lạt
		Xây dựng cảng chuyên dùng (cảng Shengli) KCN Cầu Nghìn – huyện Quỳnh Phụ
		Xây dựng cảng chuyên dùng (cảng Thaco) KCN chuyên phục vụ nông nghiệp – huyện Quỳnh Phụ
4	Phát triển giao thông đường sắt	Phát triển đường sắt Nam Định – Thái Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh dọc theo tuyến đường bộ ven biển Phát triển giao thông
5	Phát triển giao thông công cộng	Phát triển vận tải hành khách công cộng
		Xây dựng công trình đầu mối giao thông liên kết các loại phương tiện giao thông
6	Phát triển các công trình dịch vụ cấp vùng	Xây dựng các trung tâm giáo dục cấp vùng, cấp Quốc gia
		Xây dựng mạng lưới các cơ sở y tế chất lượng có khả năng đáp ứng năng lực cung cấp dịch vụ y tế cho các cơ sở y tế liên vùng
		Xây dựng các công trình DVTM cấp vùng
		Xây dựng trung tâm TDTT cấp vùng
7	Cải thiện môi trường đô thị	Chương trình cải tạo, nâng cấp đô thị
		Khu xử lý CTR cấp vùng
8	Bảo vệ nguồn nước	Chương trình quốc gia bảo vệ nguồn nước ngầm và vùng ngọt hoá
		Chương trình nạo vét, cải tạo các hệ thống thủy lợi
9	Bảo vệ bờ biển, bờ sông	Chương trình dự án xây dựng công trình chống xói lở bờ biển, bờ sông; dự án nạo vét luồng lạch phục vụ vận tải thủy
10	Bảo vệ rừng cảnh quan	Chương trình quốc gia bảo vệ rừng đặc dụng và rừng phòng hộ



11	Bảo vệ khu bảo tồn	Chương trình bảo vệ khu dự trữ sinh quyển thế giới
12	Ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng
		Chương trình phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu
13	Phát triển khoa học công nghệ và đô thị thông minh	- Xây dựng mô hình Trung tâm điều hành đô thị thông minh.
		- Quy hoạch, xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị thông minh.
		- Xây dựng nền tảng đô thị thông minh (SCP).
		- Xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh
		- Xây dựng hệ sinh thái giáo dục thông minh
		- Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh.
		- Phát triển các dịch vụ giao thông thông minh
		- Phát triển các dịch vụ môi trường thông minh
		- Phát triển dịch vụ nông nghiệp thông minh
		- Thực hiện việc số hóa; liên kết, liên thông các hệ thống thông tin
14	Chương trình phát triển đô thị xanh	- Giai đoạn 2021 – 2025: Hoàn thành rà soát, điều chỉnh các định hướng, chiến lược và quy hoạch đô thị, quy hoạch một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị lớn, lồng ghép mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu.
		- Giai đoạn 2026 – 2030: Hoàn thành việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong các quy hoạch chung đô thị được duyệt mới.
15	Chương trình phát triển hạ tầng số	- Phê duyệt phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2030 định hướng đến năm 2050 nhằm tạo điều kiện phát triển hạ tầng số và tổ chức triển khai việc thực hiện phát triển hạ tầng số theo hướng hạ tầng phải đi trước, đi nhanh
		- Xây dựng quy định ưu tiên ứng dụng Cloud trong triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh

PHỤ LỤC 04

BẢNG CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI

STT	Tên dự án	Quy mô	Dự kiến nguồn vốn
A	Hạ tầng kỹ thuật		
I.1	Hạ tầng Giao thông		
1	Xây dựng tuyến đường cao tốc CT.08 (Ninh Bình – Hải Phòng), chiều dài 42km	4 làn xe	Ngân sách Trung ương
2	Xây dựng tuyến đường cao tốc CT.39 (vành đai 5 - Hà Nội), chiều dài 28,5km	6 làn xe	Ngân sách Trung ương
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc CT.16 (Hưng Yên - Thái Bình), chiều dài 47,8km	4 làn xe	Ngân sách Trung ương
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển, chiều dài 42km	Đường cấp II	Ngân sách Trung ương
5	Xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	Đường cấp II	Ngân sách Trung ương
6	Xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi Cồn Vành		Ngân sách Trung ương
7	Xây dựng tuyến đường và cầu qua sông Luộc thuộc tuyến Vành đai 5 vùng Thủ đô (từ xã Văn Cẩm đến xã Quỳnh Giao)		Ngân sách Trung ương
8	Xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi nút giao Đồng Tu, huyện Hưng Hà		Ngân sách Trung ương
9	Nâng cấp cải tạo hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh 39, 39B, QL37B	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
10	Đường tỉnh là Trục động lực phát triển: ĐT.467 (Thái Bình - Cầu Nghìn)	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
11	Đường tỉnh là Trục động lực phát triển: ĐT.469 (Thái Bình - Cồn Vành)	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
12	Đường tỉnh là Trục động lực phát triển: ĐT.454 (Thái Bình - Đồng Tu).	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
13	Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục kết nối với các khu chức năng trong khu kinh tế Thái Bình	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
14	Đường tỉnh ĐT.454 - đoạn 2 (nối đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đoạn trên địa phận tỉnh Thái Bình với Quốc lộ 38B và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận tỉnh Hưng Yên đoạn trên địa phận tỉnh Thái Bình và cầu La Tiến)	Đường cấp III	Ngân sách Trung ương
I.2	Hạ tầng cấp nước		
1	Xây dựng mạng đường ống vận chuyển kết nối các nhà máy cấp nước trong Tỉnh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương



2	Nâng cấp nhà máy nước các đô thị mở rộng	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
I.3	Hạ tầng thoát nước mưa, nước thải vệ sinh môi trường		
3.1	Hệ thống thoát nước mưa		
1	- Cải tạo, nâng cao năng lực hệ thống thoát nước đô thị	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	- Duy trì nạo vét, cải tạo hệ thống cống và các hồ điều hòa; nạo vét, kè các hồ còn lại trong nội thành, quy hoạch, xây dựng hệ thống hồ tại các khu đô thị mới	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3	- Nâng công suất trạm xử lý nước thải thành phố và nâng cấp hệ thống cống thu gom nước thải khu vực nội thành.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3.2	Hệ thống thoát nước thải vệ sinh môi trường		
1	Nghiên cứu xây dựng các trạm xử lý nước thải tại các đô thị	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị Quỳnh Côi, Hưng Hà, Đông Hưng, Kiến Xương, Tiền Hải, Vũ Thư, Diêm Điền	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
I.4	Hạ tầng viễn thông, thông tin liên lạc (Không bao gồm các dự án phát triển của doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh)		
1	Xây dựng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	Xây dựng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3	Cải tạo cột ăng ten A2a sang A1	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
4	Xây dựng hạ tầng cột treo áp	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
5	Chỉnh trang mạng cáp treo	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
6	Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm: cống, bể cáp, chôn trực tiếp...;	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
7	Xây dựng mua sắm trang thiết bị (thiết bị đo kiểm, thiết bị quản lý, giám sát...), phục vụ cho công tác quản lý nhà nước: quản lý, giám sát việc	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương

	phát triển hạ tầng hệ thống trạm thu phát sóng trên địa bàn tỉnh.		
I.5	Hạ tầng cấp điện		
1	Cải tạo và hoàn thiện lưới điện nông thôn tỉnh Thái Bình	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	Cải tạo, nâng cấp mạng lưới điện hiện có nhưng đã xuống cấp	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
B	Hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội		
I	Khu công nghiệp		
1	KCN Thaco - Thái Bình (huyện Quỳnh Phụ)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
2	KCN Cầu Ngàn (huyện Quỳnh Phụ)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
3	KCN thuộc Khu kinh tế Thái Bình	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
4	KCN Logistics (huyện Hưng Hà)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
5	Khu công nghiệp Dược – sinh học (huyện Quỳnh Phụ)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
II	Cụm công nghiệp		
1	CCN Tân Minh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
2	CCN Thị trấn Vũ Thư	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
3	CCN Tam Quang	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
4	CCN Vũ Hội	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
5	CCN Minh Lãng	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
6	CCN Thanh Tân	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
7	CCN Vũ Ninh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
8	CCN Vũ Quý	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước

9	CCN Nam Hà	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
10	CCN Tây An	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
11	CCN An Ninh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
12	CCN Cửa Lân	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
13	CCN Thái Dương	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
14	CCN Thụy Sơn	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
15	CCN Đông La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
16	CCN Đô Lương	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
17	CCN Hưng Nhân	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
18	CCN Quý Ninh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
19	CCN Quỳnh Giao	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
20	CCN Đông Hải	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
III	Dịch vụ thương mại		
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây mới hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch đã phê duyệt	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
2	Đầu tư xây dựng 01 trung tâm thương mại hạng I tại khu vực thành phố Thái Bình	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
3	Hội chợ triển lãm tại khu vực thành phố Thái Bình	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
4	Đầu tư xây dựng các trung tâm dịch vụ logistics thành phố Thái Bình, Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
5	Khu dịch vụ thương mại (thuộc dự án quy hoạch Khu phố biển Đồng Châu)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước

IV	Hạ tầng xã hội		
IV.1	Nhà ở		
1	Thực hiện Chương trình phát triển nhà ở toàn tỉnh; Các chương trình cải tạo, tái thiết đô thị	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
2	Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu dân cư mới đã được chấp thuận đầu tư	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
IV.2	Dự án văn hóa, thể thao du lịch		
1	Công trình văn hóa ngoài trời (tượng đài Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, biểu tượng Thái Bình).	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	Đầu tư xây dựng trung tâm Huấn luyện thể dục thể thao và Sân vận động tỉnh.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3	Đầu tư xây dựng trung tâm thông tin Triển lãm tỉnh.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
5	Phát triển điểm du lịch quốc gia Khu di tích đền thờ và lăng mộ các vua Trần.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
6	Phát triển chùa Keo thành điểm du lịch quốc gia.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
IV.3	Dự án Y tế		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại Khu trung tâm Y tế tỉnh quy mô 1500 giường bệnh.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Bệnh viện Tim mạch 200 giường bệnh; Bệnh viện Ung bướu 150 giường bệnh.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương
3	Đầu tư xây mới trụ sở hoạt động cho Trung tâm Cấp cứu 115, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Giám định Pháp y.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương
4	Nâng cấp, xây dựng bệnh viện chuyên khoa: Phụ Sản, Nhi, Mắt, Phổi, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Tâm thần, Phổi, Da liễu, Bệnh viện Tim mạch, Bệnh viện Đột quỵ.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương
5	Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Đầu tư trang thiết bị để bổ sung cho Toà nhà Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương
6	Đầu tư mở rộng nâng cấp, cải tạo đầu tư trang thiết bị các Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
7	Trung tâm Nghiên cứu phát triển Vắc xin đạt tiêu chuẩn Quốc tế.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách Trung ương



IV.4	Giáo dục		
1	Phát triển hệ thống trường chuyên, chất lượng cao.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
2	Nâng cấp hệ thống trường các cấp đạt tiêu chuẩn quốc gia.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
3	Xã hội hóa đầu tư các trường ngoài công lập.	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước